

NEVASTANE HT/AW



Bản Đặc Tính Kỹ Thuật

Mỡ dùng trong công nghiệp thực phẩm

Mỡ Phức Nhôm đa dụng cho ngành công nghiệp thực phẩm

Ứng Dụng

- **NEVASTANE HT/AW** là loại mỡ thực phẩm có tính năng cao được cấu trúc bởi xà phòng phức nhôm, dầu khoáng trắng và các phụ gia chọn lọc.
- **NEVASTANE HT/AW** được khuyến nghị bôi trơn cho nhiều ứng dụng khác nhau vận hành trong các điều kiện khắc nghiệt của ngành chế biến thực phẩm.
- **NEVASTANE HT/AW** là loại mỡ đa dụng có phạm vi nhiệt độ làm việc rộng từ -20°C đến +150°C: bôi trơn bảo trì chung, ổ trượt và ổ lăn, máy in hình nổi,...

Đặc Tính

- Công thức của mỡ **NEVASTANE HT/AW** tuân thủ theo FDA chương 21 CFR, 178.3570.
- **NEVASTANE HT/AW** được đăng ký chuẩn NSF-H1:
NEVASTANE HT/AW 00: Số 129110 NEVASTANE HT/AW 0: Số 123538
NEVASTANE HT/AW 1: Số 123539 NEVASTANE HT/AW 2: Số 123540
- **NEVASTANE HT/AW** được chứng nhận đạt chuẩn **Kosher** và **ISO 21469**.
- **NEVASTANE HT/AW** là các loại mỡ ổn định sinh học, không là các tác nhân kích thích sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc.

Ưu Điểm

- **NEVASTANE HT/AW** được khuyến nghị sử dụng tại nơi mà sự tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm có thể xảy ra. Sử dụng các mỡ bảo dưỡng đã được đăng ký H1 với NSF sẽ giúp giảm thiểu các điểm kiểm soát quan trọng theo quy định của HACCP.
- Bảo vệ tuyệt hảo chống lại sự ăn mòn.
- Chống nước.
- Tính dính tốt lên bề mặt kim loại.

Đặc Tính Kỹ Thuật

| Các Đặc Tính Tiêu Biểu | Phương pháp | Đơn vị tính | NEVASTANE | | | |
|-------------------------|---------------------|--------------------|---|---------|---------|---------|
| | | | HT/AW 00 | HT/AW 0 | HT/AW 1 | HT/AW 2 |
| Xà phòng / Chất làm đặc | - | - | Phức Calcium | | | |
| Màu | Bằng mắt | - | Nâu nhạt | | | |
| Hình thể | Bằng mắt | - | Mịn, đồng nhất và trong mờ | | | |
| Phân cấp NLGI | ASTM D 217 | Cấp | 00 | 0 | 1 | 2 |
| Dải nhiệt độ làm việc | - | °C | Từ -20°C đến +150°C | | | |
| Độ xuyên kim ở 25°C | ASTM D 217 | 0,1 mm | 400-430 | 355-385 | 310-340 | 265-295 |
| Thử mài mòn 4 bi | ASTM D 2596 | mm | 0.6 | 0,6 | 0,6 | 0,6 |
| Ăn mòn lá đồng | ASTM D 4048 | - | 1a | 1a | 1a | 1a |
| Điểm nhỏ giọt | IP 396 / NFT 60102C | °C | >180 | >200 | >225 | >245 |
| Loại dầu gốc | - | - | Dầu trắng (có các hợp chất cao phân tử) | | | |
| Độ nhớt dầu gốc ở 40°C | ISO 3104 | mm ² /s | 105 | | | |

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

Sự khuyến nghị:

- Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ xung quanh; Giảm thiểu thời gian tiếp xúc với nhiệt độ trên 36°C.
- Thời gian lưu kho: **36 tháng** kể từ ngày sản xuất (không mở nắp).

NEVASTANE HT/AW – Cập nhật ngày 02 tháng 8 năm 2010

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam.